TÒA ÁN NHÂN DÂN
**KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2026/DS-ST
Ngày: 19-8-2026
Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn An

2. Bà Nguyễn Thị Hiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Trung Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 803/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1999;

Căn cước: 080099011185;

Cư trú: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị Tú T, sinh năm 1975;

Căn cước: 072175007736;

Cư trú: Khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Anh và chị T không có họ hàng, anh có quảng cáo dịch vụ nấu ăn trên mạng xã hội nên chị T thấy và liên hệ cho anh. Anh và chị T thống nhất giao kết hợp đồng dịch vụ nấu ăn, anh cung cấp các món ăn cho tiệc cưới con của chị T vào ngày 30/11/2025. Cụ thể nội dung của hợp đồng như sau: Ngày 12/11/2025, chị T có đặt 36 mâm, gồm 18 mâm đãi tiệc vào buổi sáng và 18 mâm đãi tiệc vào

buổi chiều ngày 30/11/2025, gồm 05 món ăn: súp bào ngư gà xé, trứng cút; ngũ bửu, gỏi ngó sen, chả giò trái cây, bánh xếp, chả hoa, chả ghẹ; bò bánh mì; cá mú hấp; lẩu cua đồng hải sản tôm, mực, trứng, chả cá; tráng miệng. Thỏa thuận bao gồm bàn, ghế, chén, dĩa, nhân viên, nước ngọt, nước đá, nước suối. Giá tiền 2.550.000 đồng/mâm, tổng giá trị hợp đồng là 91.800.000 đồng. Lúc giao kết hợp đồng thì chị T có đưa trước cho anh 20.000.000 đồng, còn lại 71.800.000 đồng thì sẽ trả sau khi tiệc kết thúc. Chất lượng từng món ăn thì các bên thỏa thuận miệng với nhau, yêu cầu thức ăn tươi sống, vệ sinh. Đến ngày 30/11/2025, anh có cung cấp đầy đủ các món ăn như trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng và số lượng, chị T có nhận và không có ý kiến gì. Ngày 01/12/2025, anh có đến nhà chị T yêu cầu trả số tiền còn lại là 71.800.000 đồng thì chị T cho rằng thức ăn không đúng như các bên thỏa thuận nên chỉ đồng ý trả cho anh số tiền 2.100.000 đồng/mâm, anh không đồng ý và yêu cầu chị T trả cho anh 2.300.000 đồng/mâm, các bên không thống nhất được. Đến ngày 08/12/2025, anh tiếp tục đến nhà chị T thì chị T trả cho anh thêm 15.000.000 đồng và cho rằng không còn nợ anh khoản nào khác. Tổng cộng anh đã nhận 35.000.000 đồng. Anh nhiều lần liên hệ chị T yêu cầu phải trả số tiền còn lại nhưng chị T không đồng ý.

Các món ăn do anh chuẩn bị nguyên liệu chở đến nấu trực tiếp tại nhà chị T, khi nấu có sự giám sát của chủ nhà. Đối với việc chị T cho rằng nhân viên không mặc đồng phục là không đúng, tất cả các nhân viên đãi tiệc đều mặc đồng phục đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Anh cung cấp dịch vụ nấu ăn không có đăng ký kinh doanh, hợp đồng giao kết giữa anh và chị T là giữa cá nhân với cá nhân. Thức ăn cung cấp cho tiệc có 18 bàn vào buổi sáng, trường hợp thức ăn có vấn đề thì chị T đã không nhận hoặc yêu cầu khắc phục nhưng chị T không có ý kiến gì, buổi chiều thì vẫn tiếp tục đãi 18 bàn còn lại cho đến khi xong tiệc, nên việc chị T cho rằng thức ăn không đảm bảo là không đúng. Do anh giao kết hợp đồng với một mình chị T nên anh chỉ yêu cầu một mình chị T có nghĩa vụ trả cho anh khoản nợ này.

Tại phiên tòa anh tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu tính tiền dịch vụ nấu ăn theo giá 2.000.000 đồng/mâm, tổng cộng 36 mâm là 72.000.000 đồng. Anh đã nhận số tiền 35.000.000 đồng nên tiếp tục yêu cầu chị T phải trả số tiền 37.000.000 đồng, anh đồng ý khấu trừ số tiền nước đá chị T đã trả thay anh là 600.000 đồng. Do đó, anh chỉ yêu cầu chị T trả cho anh số tiền dịch vụ còn nợ là 36.400.000 đồng. Anh rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dịch vụ là 20.400.000 đồng và tiền lãi là 1.885.760 đồng.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị Tú T có nghĩa vụ trả cho anh số tiền còn nợ là 36.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Hà Thị Tú T trình bày:*

Chị nghe rõ lời trình bày của anh H, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H. Chị có biết anh H do có thấy quảng cáo trên mạng xã hội. Chị quyết định chọn chỗ anh H nấu ăn do thấy quảng cáo món ăn có hình ảnh đẹp, chất

lượng tốt. Ngày 12/11/2025, chị và anh H có thỏa thuận đặt 36 mâm, gồm 18 mâm đãi tiệc vào buổi sáng và 18 mâm đãi tiệc vào buổi chiều ngày 30/11/2025, gồm 05 món ăn như anh H trình bày. Tổng giá trị hợp đồng là 91.800.000 đồng. Lúc giao kết hợp đồng thì chị có đưa trước cho anh H 20.000.000 đồng, còn lại 71.800.000 đồng thì sẽ trả sau khi tiệc kết thúc. Ngày 30/11/2025, anh H có cho nhân viên chở các món ăn đến và đãi tiệc như thỏa thuận, chị có nhận đầy đủ các món ăn do đã đến giờ đãi tiệc, không còn thời gian để khắc phục nên vẫn phải dọn món để đãi khách, tuy nhiên chất lượng món ăn không đảm bảo, rất nhiều khách đi đám về phản ánh với chị, thậm chí có người bị đau bụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của chị và gia đình. Tiệc xong, anh H không cho nhân viên dọn dẹp, gia đình chị phải thuê người dọn. Sau đám cưới, chị và gia đình phải tổ chức tiệc khác để xin lỗi mọi người. Khoảng 10 ngày sau tiệc, anh H có đến nhà chị yêu cầu trả số tiền còn lại là 71.800.000 đồng. Chị không đồng ý do chất lượng món ăn không đảm bảo nên chị chỉ đồng ý trả cho anh H giá tiền 2.100.000 đồng/mâm. Anh H không đồng ý và yêu cầu phải trả giá 2.300.000 đồng/mâm, các bên không thống nhất được, anh H đi về, không nhận tiền. Khoảng 02 tuần sau, anh H tiếp tục đến quán của chị để yêu cầu trả tiền thì chị có trả thêm 15.000.000 đồng. Tổng số tiền chị đã trả cho anh H là 35.000.000 đồng. Hợp đồng nấu ăn giữa chị và anh H giao kết không liên quan đến chồng của chị.

Các món ăn do anh H nấu ở đâu chị không rõ, chở đến nhà chị đãi tiệc nên không xác định được chất lượng. Nhân viên đãi tiệc không mặc đồng phục, thiếu sự chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến chất lượng buổi tiệc. Tại bản tự khai ngày 17/6/2026, chị có trình bày yêu cầu anh H phải trả cho chị số tiền mua tôm để thay thế món cá bị hôi là 6.250.000 đồng, nay chị không yêu cầu anh H phải trả số tiền này. Đối với số tiền nước đá 600.000 đồng chị đã trả thay anh H thì anh H phải khấu trừ lại cho chị.

Tại phiên tòa, chị có ý kiến đồng ý trả cho anh H giá dịch vụ là 2.000.000 đồng/mâm đối với 18 mâm tiệc vào buổi sáng. Đối với 18 mâm tiệc vào buổi chiều thì chỉ đồng ý trả 1.500.000 đồng/mâm, do chị phải mua thêm 01 món ăn là tôm hấp để bù vào món cá không ăn được nên phải trừ lại 500.000 đồng/mâm. Tổng giá trị hợp đồng theo chị tính là 63.000.000 đồng, chị đã trả cho anh H 35.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền nước đá nên còn nợ anh H 27.400.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho anh H số tiền dịch vụ nấu ăn còn nợ là 27.400.000 đồng. Ngoài ra, chị không trình bày gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng anh Lê Bửu T1, anh Lê Bảo B, chị Trần Thị Kim D thống nhất trình bày:*

Anh, chị có dự tiệc cưới con của chị T vào ngày 30/11/2025. Các món trong thực đơn đều được dọn lên để phục vụ khách, sau tiệc không có ai có triệu chứng gì bất thường do thức ăn gây ra. Tuy nhiên, nguyên liệu món ăn đối với món cá không giống trong thực đơn, chất lượng, hình ảnh, màu sắc các món ăn khác thì chưa được hấp dẫn. Ngoài ra, anh chị không có ý kiến gì khác.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 513, 515, 516 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 92, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H đối với chị Hà Thị Tú T về việc tranh chấp về hợp đồng dịch vụ, buộc chị Hà Thị Tú T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trần Văn H phần giá trị dịch vụ tương ứng với mức độ thực hiện nghĩa vụ thực tế, ghi nhận anh H không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H đối với số tiền anh H rút yêu cầu. Án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Anh Trần Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị Tú T trả tiền dịch vụ còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" và chị T có nơi cư trú tại phường A, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Anh H và chị T có giao kết hợp đồng dịch vụ nấu ăn cho tiệc cưới con của chị T vào ngày 30/11/2025. Ngày 12/11/2025, chị T có đặt 36 mâm, giá tiền 2.550.000 đồng/mâm, tổng giá trị hợp đồng là 91.800.000 đồng. Thỏa thuận bao gồm bàn, ghế, chén, dĩa, nhân viên, nước ngọt, nước đá, nước suối. Tại thời điểm giao kết hợp đồng thì chị T có đưa trước cho anh H 20.000.000 đồng, còn lại 71.800.000 đồng thì sẽ trả sau khi tiệc kết thúc. Chất lượng từng món ăn thì các bên thỏa thuận miệng với nhau. Đến ngày 30/11/2025, anh H có cung cấp đầy đủ các món ăn như trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng và số lượng, chị T có nhận và không có ý kiến gì. Sau tiệc, chị T cho rằng thức ăn không đạt chất lượng nên chỉ đồng ý trả thêm 15.000.000 đồng, không đồng ý trả phần còn lại. Tổng cộng anh H đã nhận 35.000.000 đồng. Nay anh H đồng ý tính tiền dịch vụ nấu ăn giá 2.000.000 đồng/mâm, tổng cộng là 72.000.000 đồng. Anh đã nhận số tiền 35.000.000 đồng nên tiếp tục yêu cầu chị T phải trả số tiền 37.000.000 đồng, anh đồng ý khấu trừ số tiền nước đá chị T đã trả thay anh là 600.000 đồng. Do đó, anh yêu cầu chị T trả cho anh số tiền dịch vụ còn nợ là 36.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dịch vụ là

20.400.000 đồng và tiền lãi là 1.885.760 đồng. Bị đơn chị T cho rằng có giao kết hợp đồng, có đặt cọc như anh H trình bày là đúng. Chị thừa nhận có nhận đủ 36 mâm tiệc, chị không đồng ý trả đủ tiền theo hợp đồng dịch vụ đã giao kết là do anh H không cung cấp dịch vụ đúng như thỏa thuận, các món ăn không đảm bảo chất lượng, không đúng nguyên liệu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của chị và gia đình. Nay chị đồng ý trả cho anh H giá dịch vụ là 2.000.000 đồng/mâm đối với 18 mâm tiệc vào buổi sáng. Đối với 18 mâm tiệc vào buổi chiều thì chỉ đồng ý trả 1.500.000 đồng/mâm, do chị phải mua thêm 01 món ăn là tôm hấp để bù vào món cá không ăn được nên phải trừ lại 500.000 đồng/mâm. Tổng giá trị hợp đồng theo chị tính là 63.000.000 đồng, chị đã trả cho anh H 35.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền nước đá nên còn nợ anh H 27.400.000 đồng. Chị đồng ý trả 27.400.000 đồng cho anh H.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là hợp đồng dịch vụ nấu ăn, các bên đều thừa nhận có xác lập hợp đồng và xác định nội dung trong hợp đồng là đúng. Chị T thừa nhận có nhận đủ các món ăn theo như hợp đồng, có đãi cho khách. Chị T đã tổ chức xong tiệc, không có trường hợp bị ngộ độc do thức ăn gây ra, không chứng minh được thiệt hại trên thực tế. Do đó, chị T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ nấu ăn là có cơ sở. Tuy nhiên, anh H cũng thừa nhận trong các món ăn anh giao tại tiệc nhà chị T thì có món không đảm bảo về chất lượng như hợp đồng. Kết quả làm việc với người làm chứng cũng thể hiện chất lượng, nguyên liệu các món ăn không đảm bảo như thực đơn trên bàn. Anh H đã tự nguyện giảm bớt một phần giá trị hợp đồng từ 2.550.000 đồng/mâm còn 2.000.000 đồng/mâm, tổng cộng giá trị hợp đồng còn 72.000.000 đồng. Anh đã nhận số tiền 35.000.000 đồng nên tiếp tục yêu cầu chị T phải trả số tiền 37.000.000 đồng, anh đồng ý khấu trừ số tiền nước đá chị T đã trả thay anh là 600.000 đồng. Do đó, anh H yêu cầu chị T phải trả cho anh H số tiền dịch vụ còn nợ là 36.400.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 513, 515 Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dịch vụ là 20.400.000 đồng, việc rút yêu cầu của anh H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình làm việc anh H rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 1.885.760 đồng, việc rút yêu cầu của anh H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về yêu cầu tính lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của anh H được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 513, 515, 516 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H đối với chị Hà Thị Tú T về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc chị Hà Thị Tú T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H số tiền 36.400.000 (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H đối với số tiền 22.285.760 (hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng, trong đó gồm 20.400.000 (hai mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền dịch vụ và 1.885.760 (một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng tiền lãi.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hà Thị Tú T phải chịu 1.820.000 (một triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Trần Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.467.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011940 ngày 28/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn H, chị Hà Thị Tú T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV12;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- P.THADS KV12;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Văn**